TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-DS	*Mộc Châu, ngày 11 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2016/TLST-TCDS ngày 19 tháng 01 năm 2016 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú A – Sinh năm 1985; Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Như Đ và chị Nguyễn Thị P; Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Các bên đương sự thống nhất và thỏa thuận nhất trí với diện tích đất đã xây dựng như hiện trạng tại biên bản thẩm định lập ngày 12/4/2016 có số liệu cụ thể như sau:

*Về diện tích đất của hộ gia đình anh chị Nguyễn Như Đ – Nguyễn Thị P:

Diện tích đất đo đạc thực tế, sau khi đã trừ đi hành lang giao thông có chỉ giới 30m là 120m^2 cụ thể như sau: Phía bắc giáp đường QL 43 có kích thước là 8,35m; Phía đông giáp đất bà H có kích thước là 14,89m; Phía tây giáp đất bà H sau đó chuyển nhượng lại cho chị Nguyễn Thị Tú A có kích thước là 13,01m; Phía nam giáp đất bà H sau đó chuyển nhượng lại cho chị Nguyễn Thị Tú A là 8,99m;

*Về diện tích đất của hộ gia đình chị Nguyễn Thị Tú A, sau khi hộ gia đình hộ gia đình anh, chị Nguyễn Thị H chuyển nhượng lại diện tích đo đạc thực tế và sau khi đã trừ đi hành lang giao thông có chỉ giới là 30m là 400m^2 cụ thể như

sau:

Phía bắc giáp đường QL 43 có kích thước là 3,52m; Phía đông giáp đất anh, chị Đ – P nhận chuyển nhượng của ông , bà X – B có kích thước là 13,01m và 8,99m; Phía nam giáp đất bà H có kích thước là 22,85m (Đến bờ kè đá) và 1,83m (Từ bờ kè đá đến tường rào Bệnh Viện đa khoa Thảo Nguyên); Phía tây giáp đất ông H có các kích thước là 1,50m (Từ tường rào Bệnh Viện đa khoa Thảo Nguyên đế bờ kè đá) 9,61m; 14,03m và 12,17m;

Tổng số kích thước là 37,31m.

3. Đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Mộc Châu điều chỉnh, chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00125 QSDĐ/323 QĐ – UB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 mang tên Nguyễn Thị X đã chuyển nhượng cho hộ gia đình anh Nguyễn Như Đ và chị Nguyễn Thị P và điều chỉnh, chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00041 QSDĐ/323 QĐ – UB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 mang tên Nguyễn Thị H đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú A cho đúng như số liệu đo, hiện trạng đất đã xây dựng và đang sử dụng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ theo đúng quy định của Luật đất đai.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú A tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng chẵn) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu theo biên lai thu tiền số 00029 ngày 29/01/2016.

Chị Nguyễn Thị Tú A được trả lại số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng chẵn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Anh Nguyễn Như Đ và chị Nguyễn Thị P phải chịu 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

(*Kèm theo quyết định là Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ trích đo khu đất)*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../...../QĐST-.....[2]	*...., ngày..... tháng ..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....[3] ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[5]

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).